

Số: **1527**/BKHDĐT-TH

Hà Nội, ngày **M** tháng **3** năm 2022

V/v đề nghị báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02 năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình.

Nội dung báo cáo đề nghị tập trung: (1) làm rõ kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của tồn tại, hạn chế và kiến nghị trong triển khai các nhiệm vụ được giao của Quý Cơ quan tại Nghị quyết số 11/NQ-CP; (2) cập nhật thông tin, số liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Quý Cơ quan theo các biểu mẫu chi tiết cho từng bộ, cơ quan và địa phương (*gửi kèm theo văn bản*¹).

Báo cáo xin gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư và qua địa chỉ thư điện tử tonghopthongke@mpi.gov.vn trước ngày 20 tháng 3 năm 2022, để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng năm 2022.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tổng cục Thống kê;
- TTTT (để đăng tải lên hệ thống thông tin);
- Lưu: VT, Vụ TH_{A2}

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng

¹ Bản mềm biểu mẫu theo địa chỉ đường dẫn: <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=53284&idcm=131>.

Biểu số: 01/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

**DANH MỤC VÀ MỨC VỐN DỰ KIẾN BỐ TRÍ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CHO TỪNG NHIỆM VỤ
PHÂN THEO BỘ, NGÀNH THEO NGHỊ QUYẾT 11/NQ-CP**

Tháng Năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch vốn đầu tư năm ...	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	% thực hiện so với kế hoạch (%)
A	B	1	2	3	4=3/1
	Tổng số				
I	Bộ, ngành				
1	Bộ Giao thông Vận tải				
	<i>Nhiệm vụ:</i>				
				
2	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
	<i>Nhiệm vụ:</i>				
				
II	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
	Hà Nội				
	Vĩnh Phúc				
	Bắc Ninh				

Biểu số: 02/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

**TỔNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI
VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI**

Tháng Năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm...	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	% thực hiện so với kế hoạch (%)
A	B	1	2	3	4=3/1
1	Tổng vốn đầu tư thực hiện phạm vi cả nước				
	Trong đó				
	Phát triển hạ tầng giao thông				
	Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số				
	Đầu tư cơ sở hạ tầng phòng chống sạt lở, đảm bảo an toàn hồ chứa nước, thích ứng biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai				
2	Phân theo Bộ, ngành				
	Bộ....				
3	Tổng vốn đầu tư thực hiện phân theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
	Hà Nội				
	Vĩnh Phúc				
	Bắc Ninh				
				

Biểu số: 03/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Tài chính

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

TỔNG SỐ TIỀN MIỄN, GIẢM, GIA HẠN THỜI HẠN NỘP THUẾ, PHÍ VÀ LỆ PHÍ
(Cả nước, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)
Tháng Năm

STT	Chương trình, mục tiêu cho vay	Đơn vị tính	Kế hoạch miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế, phí, lệ phí	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	% thực hiện so với kế hoạch (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1
I	Miễn, giảm thuế, phí, lệ phí					
1	Giảm thuế VAT 2% (đối với cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ)					
	Số doanh nghiệp được giảm thuế VAT 2%	Doanh nghiệp				
	Số cơ sở kinh doanh được giảm thuế VAT 2%	Cơ sở				
	Giảm thuế VAT 2% phân theo ngành kinh tế được giảm thuế	Tỷ đồng				
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"				
	Khai khoáng (khai thác than)	"				
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	"				
	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	"				
	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	"				
	Xây dựng	"				
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	"				
	Vận tải, kho bãi	"				
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	"				
	Thông tin và truyền thông	"				

	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	"				
	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	"				
	Giáo dục và đào tạo	"				
	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	"				
	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	"				
	Hoạt động dịch vụ khác	"				
	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	"				
2	Giảm 20% mức tỷ lệ % khi thực hiện xuất hóa đơn đối với cơ sở kinh doanh, hộ, cá nhân kinh doanh tính thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ phần trăm trên doanh thu					
	Số doanh nghiệp được giảm	Doanh nghiệp				
	Số cơ sở kinh doanh được giảm	Cơ sở				
	Giảm 20% mức tỷ lệ % khi thực hiện xuất hóa đơn đối với cơ sở, hộ, cá nhân kinh doanh (phân theo ngành kinh tế được giảm 20% thuế)	Tỷ đồng				
	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	"				
	Khai khoáng (khai thác than)	"				
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	"				
	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	"				
	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	"				
	Xây dựng	"				
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	"				
	Vận tải kho bãi	"				
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	"				
	Thông tin và truyền thông	"				
	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	"				

	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	"			
	Giáo dục và đào tạo	"			
	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	"			
	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	"			
	Hoạt động dịch vụ khác	"			
	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	"			
3	Tổng giá trị của của việc giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay	Tỷ đồng			
	Tổng công ty hàng không Việt Nam	"			
	Tổng công ty cổ phần hàng không Vietjet	"			
	Công ty TNHH hàng không Tre Việt (Bamboo airways)	"			
4	Tổng giá trị của giảm 30% tiền thuê đất, mặt nước đối với các đơn vị phải thuê đất, mặt nước của Nhà nước				
	Số doanh nghiệp được giảm	Doanh nghiệp			
	Số cơ sở được giảm	Cơ sở			
	Tổng giá trị được giảm phân theo ngành kinh tế	Tỷ đồng			
	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	"			
	Khai khoáng	"			
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	"			
	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	"			
	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	"			
	Xây dựng	"			
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	"			
	Vận tải kho bãi	"			
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	"			
	Thông tin và truyền thông	"			

	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	"			
	Hoạt động kinh doanh bất động sản	"			
	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	"			
	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	"			
	Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị- xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	"			
	Giáo dục và đào tạo	"			
	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	"			
	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	"			
	Hoạt động dịch vụ khác	"			
	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	"			
	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	"			
5	Giảm lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước theo Nghị định số 103/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2021				
	Tổng giá trị được giảm	Tỷ đồng			
	Phân theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
	Hà Nội	"			
	Vĩnh Phúc	"			
	Bắc Ninh	"			
	"			
II	Gia hạn thời hạn nộp thuế				
	Số doanh nghiệp được gia hạn nộp thuế	Doanh nghiệp			
	Số cơ sở được gia hạn thời hạn nộp thuế	Cơ sở			
	Tổng số tiền được gia hạn nộp thuế	Tỷ đồng			
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"			
	Thuế thu nhập cá nhân	"			

	Thuế giá trị gia tăng	"				
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	"				
	Tiền thuê đất	"				

Biểu số: 04/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Tài chính

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

TỔNG GIÁ TRỊ THUẾ VAT ĐƯỢC GIẢM TRỪ 2%
(theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP của Chính phủ áp dụng cho doanh nghiệp)
Tháng Năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Số TT	Tên ngành	Kế hoạch năm...	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)	
					Tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1
	Tổng số					
	Phân theo hoạt động của doanh nghiệp					
	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản					
	Khai khoáng (khai thác than)					
	Công nghiệp chế biến, chế tạo					
	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí					
	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải					
	Xây dựng					
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác					
	Vận tải kho bãi					
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống					
	Thông tin và truyền thông					
	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ					
	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ					
	Giáo dục và đào tạo					
	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội					
	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí					
	Hoạt động dịch vụ khác					

	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình					
	Phân theo tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương					
	Hà Nội					
	Vĩnh Phúc					
	Bắc Ninh					
					

Biểu số: 05/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Tài chính

Đơn vị nhận báo cáo:

Tổng cục Thống kê

TỔNG GIÁ TRỊ TIỀN THUÊ ĐẤT, MẶT NƯỚC ĐƯỢC GIẢM 30%*(Đối với các doanh nghiệp phải thuê đất, mặt nước của Nhà nước)*

Tháng..... Năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT		Kế hoạch năm...	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)	
					Tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1
	Tổng số					
	Phân theo hoạt động của doanh nghiệp					
	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản					
	Khai khoáng					
	Công nghiệp chế biến, chế tạo					
	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí					
	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải					
	Xây dựng					
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác					
	Vận tải kho bãi					
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống					
	Thông tin và truyền thông					
	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm					

	Hoạt động kinh doanh bất động sản					
	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ					
	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ					
	Giáo dục và đào tạo					
	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội					
	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí					
	Hoạt động dịch vụ khác					
	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình					
	Chia theo tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương					
	Hà Nội					
	Vĩnh Phúc					
	Bắc Ninh					
					

Biểu số: 06/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Tài chính

Đơn vị nhận báo cáo:

Tổng cục Thống kê

TỔNG GIÁ TRỊ TIỀN ĐƯỢC GIA HẠN NỘP THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tháng..... Năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	B	Kế hoạch năm...	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)	
					Tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1
	Tổng số					
	Phân theo hoạt động của doanh nghiệp					
	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản					
	Khai khoáng					
	Công nghiệp chế biến, chế tạo					
	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí					
	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải					
	Xây dựng					
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác					
	Vận tải kho bãi					
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống					
	Thông tin và truyền thông					
	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm					
	Hoạt động kinh doanh bất động sản					
	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ					

	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ					
	Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị- xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc					
	Giáo dục và đào tạo					
	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội					
	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí					
	Hoạt động dịch vụ khác					
	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình					
	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế					
	Chia theo tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương					
	Hà Nội					
	Vĩnh Phúc					
	Bắc Ninh					
					

Biểu số: 07/CTPH

Đơn vị báo cáo: Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

DƯ NỢ TÍN DỤNG GÓI HỖ TRỢ LÃI SUẤT 2%/NĂM THEO NGÀNH KINH TẾ VÀ LĨNH VỰC
(Toàn nền kinh tế)

Tháng..... Năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Ngành kinh tế/lĩnh vực	Tổng dư nợ cho vay kế hoạch năm ...	Doanh số cấp tín dụng tháng báo cáo	Số dư tín dụng (thời điểm ngày cuối cùng của tháng)	% thực hiện so với kế hoạch (%)
A	B	1	2	3	4=3/1
I	Tổng số				
1	Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản				
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo				
3	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác				
4	Vận tải kho bãi				
	<i>Trong đó: Vận tải hàng không</i>				
5	Du lịch				
6	Dịch vụ lưu trú, ăn uống				
7	Dịch vụ giáo dục và đào tạo				
8	Xuất bản phần mềm				
9	Lập trình máy vi tính và dịch vụ liên quan				
10	Dịch vụ thông tin				
11	Cho vay để cải tạo chung cư cũ, xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân mua, thuê và thuê mua				

Biểu số: 08/CTPH

Đơn vị báo cáo: Ngân hàng Nhà nước
Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê**TỔNG DƯ NỢ TÍN DỤNG GÓI HỖ TRỢ LÃI SUẤT 2%/NĂM**
(Áp dụng cho doanh nghiệp qua hệ thống ngân hàng thương mại)

Tháng..... Năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Ngành kinh tế/lĩnh vực/tỉnh, thành phố	Tổng dư nợ cho vay kế hoạch năm ...	Doanh số cấp tín dụng tháng báo cáo	Số dư tín dụng (thời điểm ngày cuối cùng của tháng)	% thực hiện so với kế hoạch (%)
A	B	1	2	3	4=3/1
	TỔNG SỐ				
1	Phân theo hoạt động của doanh nghiệp				
	Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản				
	Công nghiệp chế biến, chế tạo				
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác				
	Vận tải kho bãi				
	<i>Trong đó: Vận tải hàng không</i>				
	Du lịch				
	Dịch vụ lưu trú, ăn uống				
	Dịch vụ giáo dục và đào tạo				
	Xuất bản phần mềm				
	Lập trình máy vi tính và dịch vụ liên quan				
	Dịch vụ thông tin				
	Cho vay để cải tạo chung cư cũ, xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân mua, thuê và thuê mua				
2	Chia theo tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương				
	Hà Nội				
	Vĩnh Phúc				
	Bắc Ninh				
				

Biểu số: 09/CTPH

Đơn vị báo cáo: Ngân hàng Chính sách xã hội

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

CHÍNH SÁCH CHO VAY ƯU ĐÃI QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI NĂM ...

Tháng..... Năm

STT		Đơn vị tính	Tổng dư nợ cho vay theo kế hoạch	Ước thực hiện tháng báo cáo (thời điểm ngày cuối cùng của tháng)	% thực hiện so với kế hoạch
A	B	C	1	2	3=2/1
I	Chính sách cho vay ưu đãi qua NHCSXH				
1	Cho vay, hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm				
	Tổng dư nợ	Tỷ đồng			
	Lãi suất cho vay bình quân	%			
2	Cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội				
	Tổng dư nợ	Tỷ đồng			
	Lãi suất cho vay bình quân	%			x
3	Cho vay đối với học sinh, sinh viên để mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến và trang trải chi phí học tập				
	Tổng dư nợ	Tỷ đồng			
	Lãi suất cho vay bình quân	%			
4	Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				
	Tổng dư nợ	Tỷ đồng			
	Lãi suất cho vay bình quân	%			
5	Cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập phải ngừng hoạt động ít nhất 01 tháng				
	Tổng dư nợ	Tỷ đồng			
	Lãi suất cho vay bình quân	%			

6	Cho vay ưu đãi thuộc chương trình theo cơ chế cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý				
	Tổng dư nợ	Tỷ đồng			
	Lãi suất cho vay bình quân	%			
II	Gói thực hiện hỗ trợ lãi suất 2%/năm đối với các khoản vay có lãi suất cho vay trên 6%/năm				
1	Tổng dư nợ	Tỷ đồng			
2	Lãi suất cho vay bình quân	%			
III	Tái cấp vốn để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho người lao động				
1	Tổng dư nợ	Tỷ đồng			
2	Lãi suất cho vay bình quân	%			

Biểu số: 10/CTPH

Cơ quan báo cáo: Ngân hàng Chính sách xã hội

Nơi nhận: Tổng cục Thống kê

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH
CHO VAY ƯU ĐÃI QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THEO NGHỊ QUYẾT 11/NQ-CP**

(Lũy kế đến hết ngày 15 tháng báo cáo)

TT	Nội dung chính sách	Mã số	Số đơn vị sử dụng lao động (Đơn vị)	Số hộ nhận hỗ trợ (Hộ)	Số người nhận hỗ trợ (Nghìn người)	Số tiền (Triệu đồng)
(1)	(A)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)
1	Chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm	01				
2	Chính sách cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội	02				
3	Chính sách cho vay đối với học sinh, sinh viên để mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến và trang trải chi phí học tập	03				
4	Chính sách cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	04				
5	Chính sách cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập phải ngừng hoạt động ít nhất 01 tháng theo yêu cầu phòng, chống dịch	05				
6	Số kinh phí cấp bù lãi suất và phí quản lý để Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai cho vay ưu đãi thuộc Chương trình theo cơ chế cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý quy định tại quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội	06				
7	Chính sách hỗ trợ lãi suất 2%/năm đối với các khoản vay trong 2 năm 2022-2023 đối với các khoản vay có lãi suất trên 6%/năm	07				
8	Chính sách cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho người lao động	08				

Biểu số: 11/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Thông tin và Truyền thông

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

**HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG, INTERNET
TỪ QUỸ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH VIỆT NAM**

Tháng..... Năm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch hỗ trợ hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông, internet từ Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	% thực hiện so với kế hoạch (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1
1	Đối tượng được hỗ trợ					
	Doanh nghiệp	DN				
	Hộ gia đình	Hộ				
	Cá nhân	Nghìn người				
2	Giá trị hỗ trợ hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông, internet từ Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam	Tỷ đồng				

Biểu số: 12/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Thông tin và Truyền thông

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

CHI PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỄN THÔNG, INTERNET

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm ...			
			Kế hoạch chi phát triển hạ tầng viễn thông, internet	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	% thực hiện so với kế hoạch (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1
I	Chi phát triển hạ tầng viễn thông, internet phạm vi cả nước	Tỷ đồng				
	Trong đó: Chi trang bị máy tính bảng cho học sinh, sinh viên	nt				
II	Chi phát triển hạ tầng viễn thông, internet theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tỷ đồng				
1	Hà Nội	"				
2	Vĩnh Phúc	"				
3	Bắc Ninh	"				
4	"				

Biểu số: 13/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Thông tin và Truyền thông

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

BÁO CÁO VỀ CHƯƠNG TRÌNH "SÓNG VÀ MÁY TÍNH CHO EM"

(Tháng Năm.....)

(Lũy kế đến hết ngày 15 tháng báo cáo)

STT	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Số hộ gia đình được hỗ trợ lắp đặt internet (Hộ)	Số máy tính hỗ trợ (Chiếc)	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Chia ra	
					Hỗ trợ lắp đặt internet	Hỗ trợ máy tính
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3 = 4+5</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	Tổng số					
	<i>Chia ra:</i>					
	Hà Nội					
	Vĩnh Phúc					
	Bắc Ninh					
	...					

Biểu số: 14/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

**CHI THỰC HIỆN XÂY MỚI, CẢI TẠO, NÂNG CẤP, MỞ RỘNG VÀ HIỆN ĐẠI HÓA CÁC CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI, ĐÀO TẠO,
DẠY NGHỀ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM NĂM ...**

Tháng..... Năm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	% thực hiện so với kế hoạch (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1
1	Số cơ sở đào tạo nghề được xây mới, cải tạo, nâng cấp...	Cơ sở				
2	Kinh phí thực hiện	Tỷ đồng				
	<i>Trong đó:</i>					
	Chi thực hiện xây mới	Tỷ đồng				
	Chi thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa cơ sở đào tạo, dạy nghề	"				

Biểu số: 15/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

HỖ TRỢ TIỀN THUÊ NHÀ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG GẶP KHÓ KHĂN DO DỊCH COVID-19
(Lũy kế đến hết ngày 15 tháng báo cáo)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm ...	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	% thực hiện so với kế hoạch (%)
A	B		1	2	3	4=3/1
1	Số người nhận hỗ trợ	Nghìn người				
2	Tổng số tiền hỗ trợ	Tỷ đồng				
	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê, ở trọ, làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực kinh tế trọng điểm	"				
	Lao động quay trở lại thị trường lao động	"				
	Lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp	"				
	Phân theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	"				
	Hà Nội					
	Vĩnh Phúc					
	Bắc Ninh					
	...					

Biểu số: 16/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM
(Lũy kế đến hết ngày 15 tháng báo cáo)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm ...	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	% thực hiện so với kế hoạch (%)
A	B		1	2	3	4=3/1
1	Cơ sở sử dụng lao động được tư vấn tuyển dụng lao động	Cơ sở				
	Phân theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương					
	Hà Nội					
	Vĩnh Phúc					
	Bắc Ninh					
	...					
2	Lượt người lao động được tư vấn, giới thiệu việc làm	Nghìn lượt người				
	Phân theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương					
	Hà Nội					
	Vĩnh Phúc					
	Bắc Ninh					
	...					
3	Lượt người lao động được giải quyết việc làm qua trung tâm giới thiệu việc làm	Nghìn lượt người				
	Phân theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương					
	Hà Nội					
	Vĩnh Phúc					
	Bắc Ninh					
	...					

Biểu số: 17/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN, NGƯỜI LAO ĐỘNG GẶP KHÓ KHĂN DO DỊCH COVID-19

Tháng.... Năm....

(Từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 15 tháng báo cáo)

TT	Nội dung chính sách	Mã số	Số đơn vị sử dụng lao động (Đơn vị)	Số người nhận hỗ trợ (Người)	Số tiền (Triệu đồng)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	Chính sách hỗ trợ bằng tiền mặt	01=02+05			
1	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê, ở trọ, làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực kinh tế trọng điểm	02=03+04			
1.1	<i>Người lao động quay trở lại thị trường lao động</i>	03			
1.2	<i>Người lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp</i>	04			
2	Hỗ trợ cho người dân, người lao động có hoàn cảnh khó khăn do tác động của dịch bệnh	05			
3	Phân theo tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương				
	Hà Nội				
	Vĩnh Phúc				
	Bắc Ninh				
	...				

Biểu số: 18/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

HỖ TRỢ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG GẶP KHÓ KHĂN DO DỊCH COVID-19*(Lũy kế từ 01/7/2021 đến hết ngày 15 tháng báo cáo)*

TT	Nội dung chính sách	Mã số	Số đơn vị/Hộ kinh doanh sử dụng lao động (Đơn vị/Hộ)	Số lượt người nhận hỗ trợ (Lượt người)	Số tiền (Triệu đồng)
A	Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 8/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung nghị quyết số 68/NQ-CP về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19	01=02+05+14			
I	Chính sách liên quan tới bảo hiểm	02=03+04+05			
1	Giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	03			
2	Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất	04			
3	Hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho người lao động	05			
II	Chính sách hỗ trợ bằng tiền mặt	06=07+...+14			
4	Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương	07			
5	Chính sách hỗ trợ người lao động ngừng việc	08			
6	Chính sách hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động	09			
7	Chính sách hỗ trợ bổ sung và trẻ em	10			
8	Hỗ trợ tiền ăn đối với người phải điều trị nhiễm COVID-19 (F0) và người phải thực hiện cách ly y tế (F1)	11			
9	Hỗ trợ đạo diễn nghệ thuật, diễn viên, họa sĩ giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV trong các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động nghệ thuật biểu diễn và hướng dẫn viên du lịch	12			
10	Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh	13			
11	Chính sách hỗ trợ lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác	14			
III	Các chính sách hỗ trợ vay vốn	15=16			

12	Cho vay trả lương ngừng việc và phục hồi sản xuất	16			
B	Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ quỹ Bảo hiểm thất nghiệp	17=18+19			
1	Chính sách giảm mức đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19	18			
2	Chính sách hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ kết dư Quỹ bảo hiểm thất nghiệp	19			

Biểu số: 19/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Y Tế

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

**CHI NÂNG CAO NĂNG LỰC Y TẾ, PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI
VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

Tháng..... Năm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch chi năm ...	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	% thực hiện so với kế hoạch (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1
1	Số cơ sở khám chữa bệnh được đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp	Cơ sở				
2	Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở khám chữa bệnh, nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường năng lực y tế dự phòng, nâng cao nguồn nhân lực trong lĩnh vực y tế, sản xuất vắc - xin, thuốc điều trị Covid-19	Tỷ đồng				
	<i>Trong đó:</i>					
	Đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp cơ sở khám chữa bệnh, y tế dự phòng	"				
3	Chi cho phòng chống dịch	"				
	Chi cho nghiên cứu, sản xuất vắc xin	"				
	Chi cho nghiên cứu, sản xuất thuốc điều trị Covid-19	"				
	Chi mua, tiếp nhận, vận chuyển và tiêm vắc xin phòng Covid-19	"				
	Chi mua vật tư, test, kit xét nghiệm, trang phục bảo hộ	"				
	Chi cho hoạt động khám và điều trị Covid-19	"				
	Chi mua thuốc điều trị Covid-19	"				
	Chi cho hoạt động cách ly-phòng dịch	"				
	Chi khác cho công tác phòng, chống dịch	"				

Biểu số: 20/CTPH

Cơ quan báo cáo: Bộ Y tế

Nơi nhận: Tổng cục Thống kê

Báo cáo tình hình phòng chống dịch Covid-19

Tháng Năm....

(Lũy kế đến ngày 15 tháng báo cáo)

Nội dung	Đơn vị tính	Lũy kế đến hết ngày 15 hàng tháng
1. Tình hình dịch bệnh Covid		
Số ca mắc	Người	
Số ca tử vong	Người	
Số ca được điều trị khỏi	Người	
2. Tình hình xét nghiệm		
Tổng mẫu xét nghiệm	Mẫu	
3. Tình hình tiêm vắc xin		
Số liều tiêm cho người 18 tuổi trở lên	Liều	
Mũi 1	Liều	
Mũi 2	Liều	
Mũi 3	Liều	
Mũi bổ sung	Liều	
Số liều tiêm cho trẻ 12-17 tuổi	Liều	
Mũi 1	Liều	
Mũi 2	Liều	
Mũi 3	Liều	
Số liều tiêm cho trẻ 5-11 tuổi	Liều	
Mũi 1	Liều	
Mũi 2	Liều	
Mũi 3	Liều	

Biểu số: 21/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Khoa học và Công nghệ

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ, ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP KHCN, THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ NCKHCN, GIẢI MÃ CÔNG NGHỆ, MUA MÁY MÓC, THIẾT BỊ, NGUYÊN VẬT LIỆU CHO ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Tháng..... Năm

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế thực hiện đến tháng báo cáo	% thực hiện so với kế hoạch (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1
1	Số doanh nghiệp được đổi mới khoa học công nghệ	Doanh nghiệp				
2	Tổng chi	Tỷ đồng				
	<i>Trong đó:</i>					
	Chi đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ	"				
	Chi mua máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ	"				

Biểu số: 22/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ Xây dựng

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

GIÁ TRỊ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG NHÀ Ở XÃ HỘI, NHÀ Ở CHO CÔNG NHÂN; CẢI TẠO, XÂY DỰNG LẠI CHUNG CƯ CŨ
(Theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội)

Quý..... Năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Mã số	Kế hoạch năm...	Thực hiện quý báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến quý báo cáo	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)	
					Quý báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến quý báo cáo
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1
Tổng số	01					
Chia ra:						
1. Nhà ở xã hội	02					
2. Nhà ở công nhân	03					
3. Cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ	04					
Phân theo tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương						
Hà Nội						
Vĩnh Phúc						
Bắc Ninh						
....						

Biểu số: 23/CTPH

Đơn vị báo cáo: Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

HỖ TRỢ GIẢM GIÁ ĐIỆN CHO DOANH NGHIỆP, NGƯỜI DÂN

Tháng..... Năm

	Đơn vị tính	Kế hoạch năm...	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)	
					Tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1
Đối tượng được giảm giá điện						
Doanh nghiệp	Doanh nghiệp					
Cơ sở kinh doanh	Cơ sở					
Hộ gia đình	Hộ gia đình					
Theo ngành, lĩnh vực	Tỷ đồng					
Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản	"					
Công nghiệp và Xây dựng	"					
Thương nghiệp và khách sạn nhà hàng	"					
Quản lý và Tiêu dùng dân cư	"					
Các hoạt động khác	"					
Chia theo tỉnh/thành phố						
Hà Nội	"					
Vĩnh Phúc	"					
Bắc Ninh	"					
....	"					

Biểu số: 24/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ, cơ quan

Đơn vị nhận báo cáo: TCTK

**KẾ HOẠCH VÀ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
THEO CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH**
(Áp dụng cho Bộ, ngành thực hiện Chương trình phục hồi)

Năm báo cáo.....

ĐVT: Tỷ đồng

	Mã số	Tổng kế hoạch vốn đầu tư từ NSNN được giao cho toàn bộ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH	Kế hoạch vốn đầu tư NSNN cho chương trình phục hồi phát triển KTXH giao năm báo cáo	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm...	Thực hiện năm báo cáo	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch năm báo cáo (%)	
						6 tháng đầu năm ...	Năm...
A	B	1	2	3	4	5=3/2	6= 4/2
Tổng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước (1=2+3)	1						
<i>Chia ra:</i>							
Theo Bộ, ngành chủ quản	2						
Theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	3						
Hà Nội							
Vĩnh Phúc							
Bắc Ninh							
...	...						

Biểu số: 25/CTPH

Đơn vị báo cáo: Bộ, cơ quan

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

**KẾ HOẠCH VÀ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
THEO CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI**

(Áp dụng cho Bộ, ngành thực hiện Chương trình phục hồi)

Tháng.....Năm.....

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

	Mã số	Kế hoạch năm báo cáo (vốn đầu tư từ NSNN được giao theo Chương trình phục hồi và phát triển KTXH)	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)	
					Tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1
<i>Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước cho chương trình phục hồi (Chỉ bao gồm số vốn đầu tư NSNN giao cho Bộ, ngành quản lý và thực hiện, không bao gồm số vốn đầu tư giao cho các địa phương quản lý và thực hiện)</i>	01					

Hướng dẫn cách ghi:

1. Cách ghi số liệu cột 2 và cột 3: Ví dụ Báo cáo tháng 4 năm 2022 tại thời điểm 18/4/2022:

- Cột 2: Ghi số liệu ước thực hiện tháng 4 năm 2022.
- Cột 3: Ghi số liệu cộng dồn vốn thực hiện từ đầu năm đến hết tháng 4 năm 2022.

2. Số liệu thực hiện vốn ngân sách nhà nước cho chương trình phục hồi là khối lượng thực hiện thực tế phát sinh trong kỳ báo cáo của các dự án/công trình (không phải số liệu giải ngân vốn đầu tư từ NSNN).

Biểu số: 28/CTPH

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh, thành phố

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

**KẾ HOẠCH VÀ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
THEO CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI**

(Áp dụng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện Chương trình phục hồi)

Tháng.....Năm.....

Đơn vị tính: Tỷ đồng, %

	Mã số	Kế hoạch năm (vốn đầu tư từ NSNN được giao theo Chương trình phục hồi và phát triển KTXH)	Ước vốn thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)	
					Tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1
1. Tổng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước (01=02+03+04+05+06+07+08)	01					
<i>Chia ra:</i>						
1.1 Vốn đầu tư cho các dự án/công trình hạ tầng ngành giao thông	02					
1.2 Vốn đầu tư cho các dự án/công trình hạ tầng ngành nông nghiệp (phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo đảm an toàn cho hồ chứa nước,...)	03					
1.3 Vốn đầu tư cho các dự án/công trình hạ tầng ngành y tế (đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở khám chữa bệnh, tăng cường năng lực y tế dự phòng, ...)	04					
1.4 Vốn đầu tư cho các dự án/công trình hạ tầng ngành đào tạo-dạy nghề (đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hoá các cơ sở trợ giúp xã hội, đào tạo dạy nghề,...)	05					
1.5. Vốn đầu tư cho các dự án/công trình hạ tầng viễn thông, internet, công nghệ thông tin, chuyển đổi số	06					
1.6. Vốn đầu tư cho dự án đổi mới, phát triển công nghệ, mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ	07					
1.7 Vốn đầu tư cho các dự án/công trình khác	08					

Hướng dẫn cách ghi:

1. Cách ghi số liệu cột 2 và cột 3: Ví dụ Báo cáo tháng 4 năm 2022 tại thời điểm 18/4/2022:

- Cột 2: Ghi số liệu ước vốn thực hiện tháng 4 năm 2022.

- Cột 3: Ghi số liệu cộng dồn vốn thực hiện từ đầu năm đến hết tháng 4 năm 2022.

2. Số liệu thực hiện vốn ngân sách nhà nước là khối lượng thực hiện thực tế phát sinh trong kỳ báo cáo của các dự án/công trình (không phải số liệu giải ngân vốn đầu tư NSNN).